

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Tel: 036-382 3162

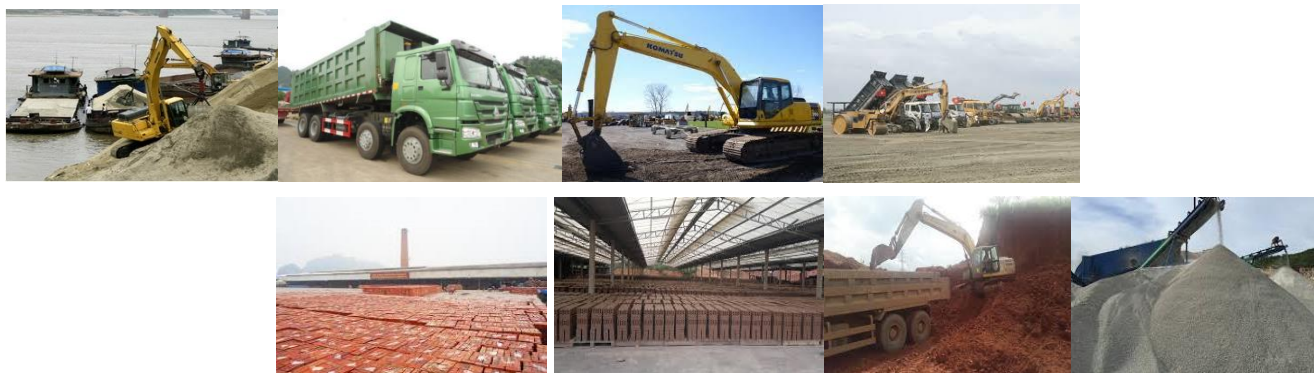
Fax: 036-368 3162

Website: www.TienTrung.vn

Mail: congytientrung@gmail.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



Thái Bình, ngày 18 tháng 04 năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**
- Tên giao dịch viết tắt: **Tien Trung., JSC**
- Nhãn hiệu thương mại:



- **Trụ sở chính của Công ty:**
- **Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- **Điện thoại:** 036-382 3162 – 0901 55 75 85 Fax: 036-368 3162
- **Website:** www.tientrung.net
- **Mã số thuế:** 1000332857
- **Nơi mở tài khoản:** 47110000396669 mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thái Bình
- **Vốn điều lệ: 72.099.990.000 đồng** (Bảy mươi hai tỷ không trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi nghìn đồng.)

2. Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000332857 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 10/04/2003; số 1000332857 thay đổi lần 8 ngày 24/5/2017, ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty như sau:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản



- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
(Chi tiết: Sản xuất bột đá xây dựng; Sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát); Sản xuất đá xây dựng)
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn gạo
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
(Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng)
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- (Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải)
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.)

- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

(Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống)

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Sản xuất mô tô, xe máy
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Đại lý, môi giới, đấu giá

(Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá (trừ hàng hóa nhà nước cấm))

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

(Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

(Chi tiết: Bán buôn than đá, than củi và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Khai thác gỗ
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Khai thác thủy sản biển
- Khai thác thủy sản nội địa

- Chuẩn bị mặt bằng
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
(Chi tiết: Vận tải hàng hoá đường sông bằng tàu, thuyền)

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tiền thân là Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 04 năm 2003, hoạt động chính là khai thác cát, đá, sỏi để cung cấp cho các công trình xây dựng như giao thông đường bộ, xây dựng thủy lợi, các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh Thái Bình. Qua quá trình phát triển, Công ty ngày một mở rộng kinh doanh thêm các loại nguyên vật liệu xây dựng khác như xi măng, gạch, thép... và đầu tư thêm lĩnh vực vận tải, chuyên vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy. Song song với quá trình đa dạng loại hình kinh doanh, Công ty từng bước mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh, từ cung cấp vật liệu trong tỉnh đến ngoài tỉnh.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 17/12/2010, vốn điều lệ ban đầu thành lập của Công ty Cổ phần là 15 tỷ đồng.

Ngày 2/7/2011, Công ty đã trở thành Công ty đại chúng theo Quyết định số 232/UBCK - QLPH của UBCKNN và đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/1/2013.

Ngày 26/4/2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ thành công, tăng vốn điều lệ Công ty lên 52,5 tỷ đồng, đánh dấu sự phát triển lớn mạnh quy mô, tiềm lực tài chính của Công ty.

Để nâng cao năng lực tài chính, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, ngày 29/12/2016, Công ty hoàn thành phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ đồng.

Để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ lên 72.099.990.000 đồng trong năm 2018.

Hiện nay, Công ty là một trong những nhà cung cấp nguyên vật liệu xây dựng, cung ứng dịch vụ kho cảng, vận tải hàng hóa, san lấp mặt bằng, thi công các công trình dân dụng, thủy lợi hàng đầu tại khu vực tỉnh Thái Bình. Với lợi thế vị trí kho bãi, cảng bốc dỡ hàng hóa và sự đầu tư mạnh mẽ về máy móc thiết bị chuyên chở Công ty đã khẳng định được thương hiệu của mình. Trải qua hơn 14 năm phấn đấu trưởng thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung không ngừng phát triển, cung cấp vật liệu cho các công trình xây dựng, các dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, xây dựng được

thương hiệu mạnh với hơn 100 cán bộ lao động giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết cùng với một đội ngũ công nhân lành nghề.

Trên cơ sở mô hình tổ chức hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung không ngừng củng cố và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và điều khiển, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, duy trì hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển Công ty lên một tầm cao mới.

Sau hơn bảy năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Với sức trẻ và lòng nhiệt huyết trên sở phát huy thế mạnh của Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đang nỗ lực phấn đấu xây dựng Công ty ngày một phát triển lớn mạnh và bền vững.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty Tiên Trung cũng đã khẳng định được thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công san lấp mặt bằng thông qua việc đã và đang thực hiện cung cấp vật liệu cho nhiều công trình dự án

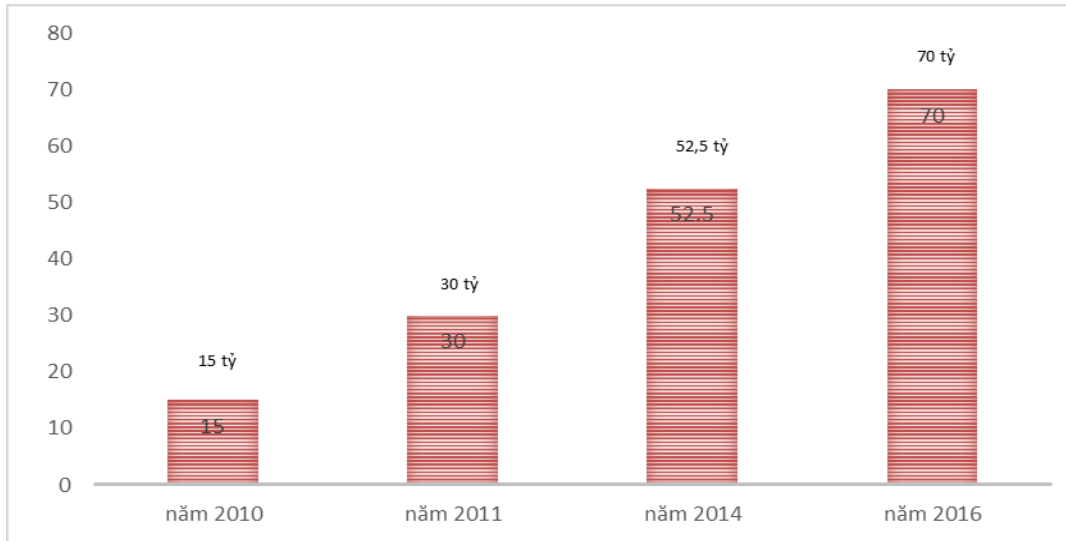
Các mốc thời gian và sự kiện tiêu biểu của Công ty

Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<p>1. Chuyển đổi thành công ty CP;</p> <p>2. Vốn điều lệ 15 tỷ đồng;</p> <p>3. Cung cấp VLXD cho một số dự án lớn như: Đường 39 B, Nhà máy nhiệt điện Mỹ Lộc; Nhà máy gạch men Mikado</p>	<p>4. Tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng;</p> <p>5. Trở thành Công ty đại chúng theo quy định của UBCKN N;</p> <p>6. Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động</p>	<p>7. Niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX;</p> <p>8. Khởi công XD Sưởng sản xuất đá tại Thái Bình;</p> <p>9. Hoàn thành giai đoạn đầu tư đưa cảng TTZ Port vào hoạt</p>	<p>10. Tăng vốn điều lệ công ty lên 52,5 tỷ đồng;</p> <p>11. Xây dựng dự án nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Hòa Bình</p>	<p>12. Thành lập Công ty Tiên Trung Sơn La;</p> <p>13. Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam;</p>	<p>14. Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 70 tỷ đồng</p>	<p>15. Thoái vốn tại Công ty CP Sudev Việt Nam;</p> <p>16. Góp vốn thực hiện dự án mỏ đá tại Lương Sơn Hòa Bình cùng Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình</p>	<p>17. Chia cổ tức bằng cổ phiếu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 72,099 tỷ đồng</p>



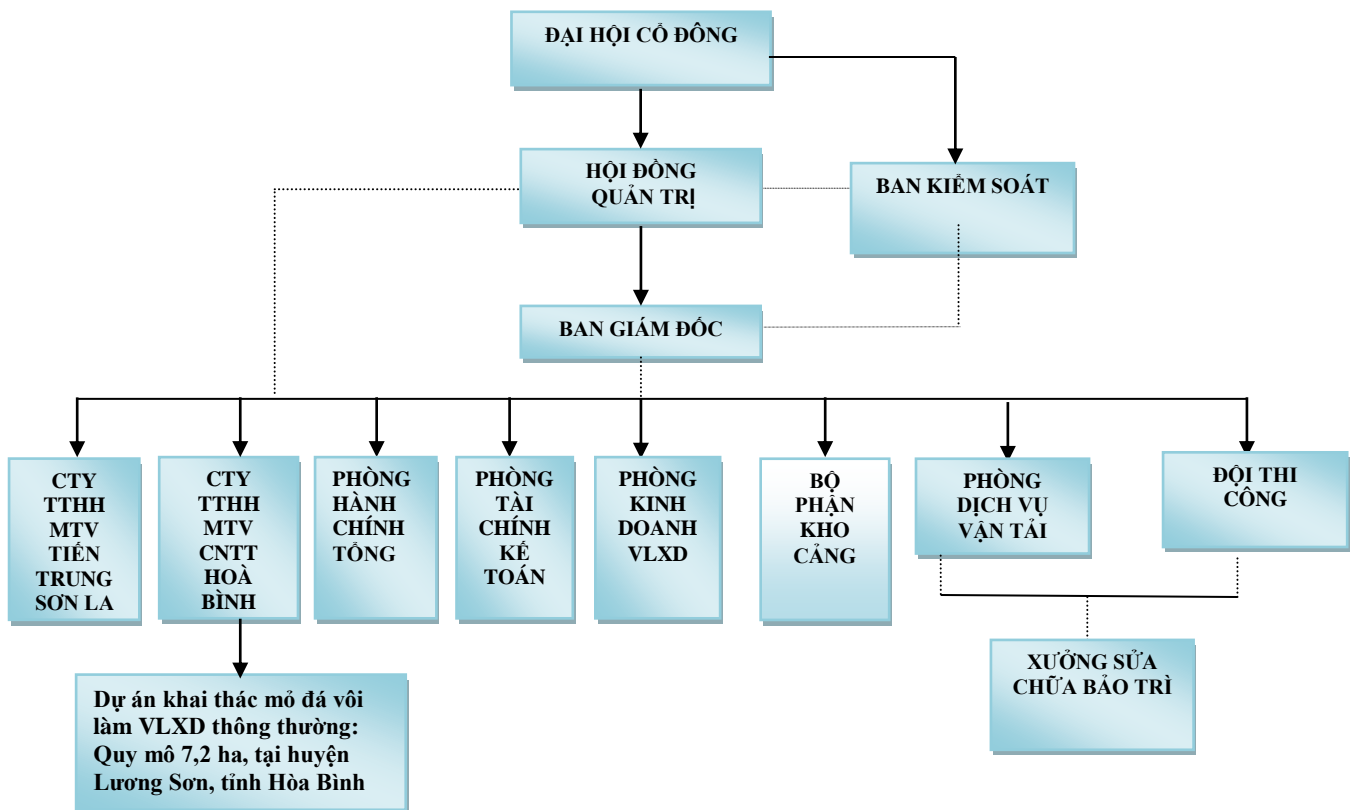
		động				
--	--	------	--	--	--	--

Mức thời gian tăng vốn điều lệ của Công ty



4. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 04 (bốn) ủy viên HĐQT với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS là 03 (ba) thành viên. Trong BKS phải có ít nhất 1 thành viên là người có chuyên môn về tài chính – kế toán. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc và 02 (hai) Phó Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng và Công ty con, liên danh - liên kết:

Phòng Hành chính Tổng hợp.

a. Công tác đào tạo, tuyển dụng, kỷ luật lao động:

- Lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và kỷ luật lao động theo kế hoạch sản xuất hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty.
- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ
- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.

b. Công tác tổ chức, công tác cán bộ:

- Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy từ Công ty và các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ chức công tác.
- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất, phương án tổ chức sản xuất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Theo dõi, báo cáo thống kê và phân loại lao động và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phân loại lao động.
- Lập kế hoạch sử dụng nhân lực hàng năm.

c. Công tác Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:

- Đề xuất, nghiên cứu chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế các chế độ khác về Bảo hiểm đối với người lao động.

Phòng Tài chính Kế toán:

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.

- Lập dự toán, tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thực hiện việc chi trả lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác cho Cán bộ công nhân viên toàn Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan tổ chức quản lý thực hiện có hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản của Công ty.
- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo đúng chế độ kế toán. Bảo quản, lưu trữ, các chứng từ kế toán theo quy định.

Phòng Dự án:

a. Công tác Đầu tư dự án:

- Xây dựng và trình duyệt định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của Công ty.
- Kiểm tra, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Chủ trì tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá về công tác đầu tư, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và triển khai các dự án của Công ty, định kỳ hàng tháng/quý/năm theo quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.
- Quản lý, kiểm tra, theo dõi hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực đầu tư.
 - Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Công tác Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị:

- Trên cơ sở kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty được duyệt, chủ trì tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định và trình phê duyệt các Dự án đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty tổ chức thực hiện các dự án đầu tư mua sắm thiết bị sau khi được phê duyệt.
- Thẩm định, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua các Dự án đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng quản lý việc thực hiện các gói thầu thiết bị.
- Tham gia quá trình tổ chức đấu thầu mua sắm tài sản...

Phòng Kinh doanh vật liệu xây dựng:



- Giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu doanh số đề ra.
- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khai thác, tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng về thiết kế và thi công xây dựng.
- Đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp với phòng nhân sự trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân viên phòng kinh doanh vật liệu xây dựng.

Bộ phận Kho cảng:

- Lên kế hoạch và làm các thủ tục điều động kho cảng.
- Chịu trách nhiệm làm đầu mối liên hệ với các đơn vị hữu quan: Chủ tàu, chủ hàng, đại lý, hải quan... trong hoạt động kinh doanh khai thác kho cảng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Đội thi công:

- Thực hiện trực tiếp thi công tại các công trường. Theo dõi, bám sát tiến độ thi công của các công trình đang thực hiện.
- Nghiên cứu, đề xuất Giám đốc công ty về ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ áp dụng vào việc thi công các công trình.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Phòng Dịch vụ Vận tải:

- Cung cấp dịch vụ và tư vấn về vận tải hàng hóa.
- Điều phối xe, cân đối nguồn xe đảm bảo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Xưởng sửa chữa, bảo trì:

- Thực hiện bảo trì, sửa chữa, khắc phục nhanh chóng các sự cố, hỏng hóc các thiết bị, phương tiện của Công ty.
- Chịu trách nhiệm công tác bảo trì, bảo dưỡng,
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình

- Địa chỉ: Thôn Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình



- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (gạch tuynel, ngói...); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vôi và thạch cao.... Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỉ đồng); Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Tiên Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Màng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư dự án
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

4.2. Định hướng phát triển của Công ty

Xây dựng Công ty Tiên Trung phát triển một cách toàn diện, bền vững trở thành Công ty mạnh đặc biệt trong các lĩnh vực khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng, vận tải, trở thành đơn vị hàng đầu trong địa bàn tỉnh Thái Bình, tỉnh Hòa Bình, Tp. Hà Nội.

Tìm kiếm cơ hội và chuyển đổi dần từng bước sang những ngành nghề mới có trình độ khoa học kỹ thuật cao, thị trường rộng lớn, ổn định để đảm bảo sự phát triển bền vững và hợp với xu thế của Công ty.

Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và từng bước phát triển Công ty Tiên Trung trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài tỉnh Thái Bình.

Xây dựng Công ty Tiên Trung là Công ty sản xuất kinh doanh có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.

Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ vận tải; kho cảng; thi công các công trình tại thị trường truyền thống và từng bước mở rộng ra thị trường mới.
- Thực hiện xác lập chuỗi cung ứng khép kín thông qua việc lựa chọn đối tác chiến lược để hợp tác toàn diện từ quá trình sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ. Hiện nay TTZ đã ký



kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà Hòa Bình (HBDH). Theo đó, HBDH sẽ bao tiêu và giới thiệu toàn bộ sản phẩm gạch tuynel của Nhà máy Phong Phú tại Tân Lạc, Hòa Bình cho TTZ; Cùng với TTZ lập thành liên danh nhà thầu để thi công các công trình có giá trị lớn, kỹ thuật cao. Ngược lại, TTZ sẽ đầu tư vào mảng khai thác đá làm VLXD, góp vốn thành lập Trung tâm siêu thị VLXD & Chất đốt tại Sơn La. Ngoài ra Công ty góp vốn vào dự án khai thác đá vôi làm VLXD thông thường với quy mô ở mức lớn (40 triệu m³ thành phẩm) tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình là khu vực lý tưởng để gia tăng lợi nhuận cho công ty vì nó vừa phù hợp với điều kiện khai thác nhưng lại rất gần với thị trường lớn là Tp.Hà Nội và các thành phố vệ tinh.

- Nghiên cứu, đầu tư dự án mới cho giai đoạn 2018 - 2021: Cụ thể, dựa trên năng lực và kinh nghiệm của đối tác chiến lược (cả đối tác trong nước và đối tác nước ngoài) Công ty sẽ triển khai thực hiện hai dự án lớn là Dự án Sản xuất điện năng lượng mặt trời Dự án bất động sản tại Tp.Hà Nội hoặc Tp.Đà Nẵng.

4.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Với mong muốn phát triển Công ty một cách bền vững, xác lập vị thế của Công ty trong ngành, Công ty Tiên Trung luôn xây dựng định hướng phát triển Công ty phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành dựa trên cơ sở nghiên cứu xu hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước.

Để thu hút được khách hàng, giữ vững và mở rộng thị phần trong ngành, Công ty xác định cần luôn luôn nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thông qua:

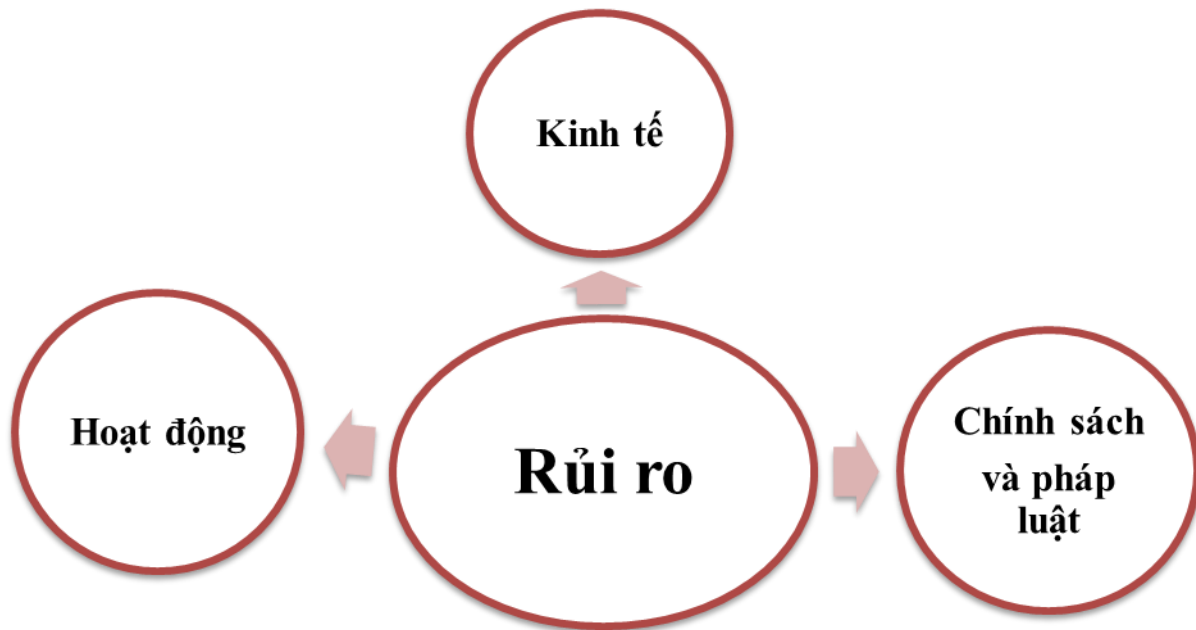
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở nghiên cứu kỹ nhu cầu thị trường và thế mạnh của doanh nghiệp.
- Đưa ra các mức giá sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh bằng cách tăng cường quản lý chi phí;
- Chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị;
- Chú trọng trong công tác đấu thầu các dự án trong và ngoài tỉnh;
- Không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý;
- Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên;
- Không ngừng xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp...

Là Công ty có cổ phiếu đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay tuy có những biến động phức

tạp, nhưng đây sẽ là những tiền đề để thị trường sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng bền vững, tạo điều kiện, cơ sở thuận lợi cho công ty thực hiện quảng bá tên tuổi và hình ảnh trên cả thị trường chứng khoán.

5. Các rủi ro

Hiện nay, Công tác quản trị rủi ro được Ban lãnh Tiến Trung luôn đặt lên hàng đầu, thông qua việc nhận định, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiến Trung. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiến Trung chủ yếu chịu sự tác động của các rủi ro sau:



5.1. Rủi ro chính sách và pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty Tiến Trung chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật khoáng sản, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản Luật và dưới luật, phổ biến rộng rãi những quy định, văn bản liên quan tới Cán bộ công nhân viên toàn công ty.

5.2. Rủi ro hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung hoạt động trong các lĩnh vực chính là: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, khai thác cát, đá, sỏi, đất sét,

bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá..., cho thuê kho bãi tại cảng của Công ty. Vì vậy, trong hoạt động của Công ty sẽ xuất hiện một số rủi ro đặc thù, bao gồm:

- Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với tốc độ phát triển cao của ngành vận tải cũng như hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, trong thời gian qua, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt. Để thu hút được khách hàng, mở rộng thị trường, ngoài việc tích cực đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, Công ty cần phải tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Với tình hình kinh tế suy giảm thì tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng. Trong khi đó, các chi phí liên quan tới nguyên vật liệu đầu vào, nhân công... luôn biến động khiến cho việc quản lý các chi phí để đảm bảo chỉ tiêu đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu

Hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ cũng phụ thuộc rất nhiều bởi yếu tố nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, hàng hóa... Trong thời gian qua, những thay đổi giá xăng dầu, những biến động giá nguyên vật liệu đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

- Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi đưa cổ phiếu lên niêm yết tập trung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc niêm yết cổ phiếu sẽ đem lại cho Công ty những cơ hội để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, nâng cao uy tín đối với khách hàng, tạo lập một kênh huy động vốn mới hiệu quả hơn ...

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn diễn biến theo chiều hướng tăng trưởng không ổn định, nhiều mã cổ phiếu giao dịch trên sàn thấp hơn giá trị sổ sách, giá cổ phiếu có thể thay đổi do tác động của các yếu tố như cung cầu, thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sự thay đổi về môi trường pháp luật ... Để hạn chế những rủi ro nêu trên Công ty chủ động trong việc duy trì cơ cấu tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả và cam kết điều hành mọi hoạt động của Công ty theo hướng minh bạch, công bố thông tin về các hoạt động của Công ty kịp thời và chính xác theo đúng những quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục duy trì mà mở rộng hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty, bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải, thi công công trình, cho thuê thiết bị và dịch vụ kho cảng.

Kết quả hoạt động tài chính của TTZ trong niên khóa 2017.

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	75.000.000.000	38.915.568.272	51,89%
2	Vốn điều lệ	72.100.000.000	70.000.000.000	97,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	6.000.000.000	867.881.529	14,46%
4	Lợi nhuận sau thuế	4.500.000.000	156.646.951	3,48%
5	Cổ tức	5%	5%	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Doanh thu và lợi nhuận thực hiện đạt 51,89 % và 3,48% so với kế hoạch. Nguyên nhân do Công ty thay đổi nhân sự cấp cao là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty. Định hướng kinh doanh của Công ty đã có sự thay đổi nhất định, Công ty thu hẹp các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống không hiệu quả, cần sử dụng nhiều lao động và khả năng tăng trưởng thấp, dịch chuyển sang ngành nghề có trình độ khoa học kỹ thuật cao, do vậy doanh thu và lợi nhuận Công ty đã sụt giảm đáng kể so với kế hoạch đặt ra

Mặc dù lợi nhuận không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đặt ra, nhưng với những định hướng mới của Ban lãnh đạo Công ty, đã ng dấu hiệu tích cực được thể hiện trong việc quản trị doanh nghiệp, ký kết các hợp đồng mới, dịch chuyển hoạt động kinh doanh sang hoạt động những ngành nghề có trình độ khoa học cao hứa hẹn sự phát triển vượt bậc của Công ty trong thời gian tới.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Ty	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên HĐQT
4	Lê Ngọc Anh	Thành viên HĐQT
5	Đặng Ngọc Thông	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Vũ Tuấn Doanh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Loan	Thành viên BKS
3	Nguyễn Hải Văn	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc	
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Ông Lê Minh Diện	Kế toán trưởng

2.1. Hội đồng quản trị

2.1.1. Hoàng Anh Quyết - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần



- Những người có liên quan:

+ Bố Hoàng Văn Ty:	0	Cổ phần
+ Chị Hoàng Thị Kim:	0	Cổ phần
+ Mẹ Nguyễn Thị Mến	0	Cổ phần
+ Vợ Nguyễn Thị Tuyết Nhung	0	Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.2. Ông Hoàng Văn Ty – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/08/1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151328854 do Công an Thái Bình cấp ngày 14/10/1997
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:

+ Con Hoàng Thị Kim:	0	Cổ phần
+ Con Hoàng Anh Quyết:	0	Cổ phần
+ Vợ Nguyễn Thị Mến:	0	Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.3. Ông Nguyễn Xuân Vĩnh – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/05/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: Nhà B1/72B ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013357542 cấp ngày 19/10/2010 tại CA Hà Nội

- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ xây dựng dân dụng & công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Vợ Vũ Thị Hằng : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.4. Ông Lê Ngọc Anh – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/09/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: Xuân Lâm, Tụ Lạn Việt Yên, Bắc Giang.
- Số CMND: 121483805
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Bố Lê Hồng Thắm: 0 Cổ phần
 - + Mẹ Lê Thị Thắm: 0 Cổ phần
 - + Em Lê Quốc Khánh: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.5. Ông Đặng Ngọc Thông – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/07/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 54 Đường Nguyễn Đình Nghi, P. Quang Trung, TP. Hưng Yên
- Số CMND : 145069035 do Công an Hưng Yên cấp ngày 01/08/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Vợ Hoàng Thị Kim: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Ban Kiểm soát

2.2.1. Ông Vũ Tuấn Doanh - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/12/1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151594276 do Công an Hà Nam cấp ngày 26/07/2010
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.2. Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/07/1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Ứng Hoà, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà 136A, Ngõ 9 đường Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 112072832 cấp ngày 15/10/2003 tại CA tỉnh Hà Tây
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế - Khoa Kế Toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

2.2.3. Ông Nguyễn Hải Văn - Thành viên BKS

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/11/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xóm 12, Thôn Trung Tiến, Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151354343 cấp ngày 18/07/2011 tại CA Thái Bình
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Ban Giám đốc

2.3.1. Ông Hoàng Anh Quyết – Tổng Giám đốc (đã nêu tại mục HĐQT - 2.1.1)

2.3.2. Ông Nguyễn Xuân Vĩnh - Phó Giám đốc (đã nêu tại mục HĐQT - 2.1.3)

2.3.3. Bà Nguyễn Thị Mến- Phó Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Mến
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/10/1957



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Số CMND: 150244409 Ngày cấp: 17/01/2005 Nơi cấp: Thái Bình.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Chồng Hoàng Văn Ty : 0 Cổ phần
 - + Con Hoàng Anh Quyết : 0 Cổ phần
 - + Con Hoàng Thị Kim : 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4. Ông Lê Minh Diện - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Lê Minh Diện
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/11/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Số 03 ngõ 220 phố Trần Lãm, phường Trần Lãm, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Số 03 ngõ 220 phố Trần Lãm, phường Trần Lãm, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Số CMND: 034075000768 ngày cấp 17/12/2014 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những thay đổi trong ban điều hành

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đã thông qua kết quả bầu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2016-2021 như sau:
- Nhân sự HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Hoàng Văn Ty	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Lê Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đặng Ngọc Thông	Thành viên Hội đồng quản trị

- Nhân sự BKS nhiệm kỳ 2016-2021

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1	Vũ Tuấn Doanh	Trưởng ban Kiểm soát Công ty
2	Nguyễn Thị Loan	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Hải Văn	Thành viên Ban Kiểm soát

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ cho mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ.

- Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo tại nơi làm việc: Tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.



- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế.

Nguyên tắc phân phối quỹ tiền lương năng suất: Phân phối theo lao động, gắn tiền lương với trách nhiệm công tác, năng suất lao động, hiệu quả lao động của từng người, khuyến khích người có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các dự án Công ty thực hiện trong năm 2017

- Dự án nhà máy gạch Tuynel Hòa Bình

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2013, Tháng 9/2015 nhà máy đi vào hoạt động, mang lại doanh thu cho toàn Công ty. Năm 2016, Công ty đã phát hành tăng vốn, bổ sung 10 tỷ đồng vốn vào Công ty TNHH Tiến Trung Hòa Bình để khai thác mỏ đất sét làm nguyên liệu cho cho nhà máy gạch Tuynel Hòa Bình.

Năm 2017, theo quy định mới thì các Nhà máy gạch phải có vùng nguyên liệu được cấp phép khai thác, nên tháng 2 năm 2017 Công ty đã làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư do bổ sung vùng nguyên liệu vào dự án. Dự kiến công ty hoàn thành tất cả công tác đầu tư vào quý III/2018.



b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình

- Địa chỉ: Thôn Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (gạch tuynel, ngói....); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vôi và thạch cao.... Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỉ đồng); Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Màng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vật liệu xây dựng, đầu tư dự án
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	109.086154.191	96.247.371.753	-11,77%
2	Doanh thu thuần	89.976.777.465	38.915.568.272	-56,75%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.995.945.482	3.067.291.247	-38,60%
4	Lợi nhuận khác	-408.572.345	-2.199.409.718	438,32%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.587.373.137	867.881.529	-81,08%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.509.820.384	156.646.951	-95,54%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	667	22	-11,77%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017)

Doanh thu năm 2017 Công ty giảm so với năm 2016, do một số nguyên nhân sau

Doanh thu năm 2017 Hợp nhất của Công ty giảm 56,75% so với năm 2016, chủ yếu từ công ty mẹ, do trong năm Công ty thay đổi nhân sự cao cấp là Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, đã thay đổi lại định hướng phát triển công ty là: thu hẹp các hoạt động truyền thống sử dụng nhiều lao động và thị trường tiêu thụ hạn chế, để chuẩn bị nguồn lực phát triển những lĩnh vực có trình độ khoa học kỹ thuật cao, thị trường tiêu thụ tốt. Do vậy, doanh thu năm 2017 của Công ty đã sụt giảm đáng kể.

Biến động lợi nhuận năm 2017 so với năm 2016



Lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 156,64 tỷ đồng, giảm 95,54%, bên cạnh nguyên nhân doanh thu năm 2107 sụt giảm so với năm 2016, còn do khoản lỗ chênh lệch sổ sách kế toán từ việc thanh lý 01 xe ô tô của Công ty con TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình.

4.2. Các chỉ tiêu khác:

Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Hệ số thanh toán hiện hành: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,47	2,65
- Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	1,69	1,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	27,72	17,91
- Nợ phải trả/vốn CSH	%	38,34	21,82
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	2,73	1,23
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,72	0,20
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	3,90	0,40
- LN sau thuế /VCSH bình quân	%	1,11	0,10
- LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	0,85	0,08
- LN hoạt động kinh doanh/DTT	%	5,55	7,88

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	7.000.000 cổ phần
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	5.250.000 cổ phần
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng đến ngày 29/12/2017, Sau thời gian này toàn bộ số cổ phần tự do chuyển nhượng	1.750.000 Cổ phần
	Tổng số	7.000.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông công ty (tại ngày 26/2/2018 theo danh sách cổ đông VSD cung cấp)

	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	154	6.078.900	6.077.600.000.	86,84%
	Cổ đông là tổ chức	3	588.401	588.401.000	8,41%



	Cổ đông là cá nhân	151	5.490.499	54.904.990.000	78,44%
2	Cổ đông nước ngoài	7	921.100	921.100.000	13,16%
	Cổ đông là tổ chức	2	37.300	37.300.000	0,53%
	Cổ đông là cá nhân	5	883.800	883.800.000	12,63%
	Tổng Cộng	241	7.000.000	70.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ (tại ngày 26/02/2018 theo danh sách cổ đông VSD cung cấp)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	Phạm Ngọc Duẩn	Xuân Thủy, Xuân Trường, Nam Định	364.300	5,20%
2	Trần Thị Thanh Na	169/5-169/6 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM	453.900	6,48%
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Tú	Ô 2308, Tầng 23, Tòa Tây Lotte Center - 54 Liễu Giai, P. Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	492.300	7,03%
	Tổng cộng		1.310.500	18,72%

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kinh doanh vật liệu xây dựng:

Công ty đã có bề dày hơn 15 năm kinh doanh vật liệu xây dựng, là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng có uy tín trong địa bàn tỉnh Thái Bình và các vùng lân cận phục vụ thi công các công trình xây dựng. Trong năm 2017 Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn cung ứng nguyên vật liệu cho khách hàng, mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty.

b. Lĩnh vực vận tải

Công ty thực hiện hai mảng kinh doanh vận tải đường thủy và vận tải đường bộ. Sau khi hoàn thành đầu tư cảng TTZ Port trong năm 2013, năm 2017 Ban lãnh đạo Công ty đã khai thác tối đa công suất hoạt động của cảng. Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng vận chuyển dài hạn nên rất ổn định về doanh số hàng năm.

c. Triển khai các dự án

Dự án Xây dựng xưởng sản xuất đá xây dựng: Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành giai đoạn san lấp mặt bằng, xây dựng cơ bản (kè, tường rào, nhà điều hành, nhà ăn,



kho, đường nội bộ và hệ thống cây xanh). Tuy nhiên, năm 2015 Công ty tạm dừng đầu tư do thị trường VLXD chưa có dấu hiệu hồi phục để nghiên cứu đánh giá lại nhằm đảm bảo an toàn vốn đầu tư. Sang năm 2018 Công ty sẽ xem xét hủy bỏ dự án và chuyển nhượng phần giá trị đã hoàn thành để chuyển nguồn vốn sang kinh doanh dự án khác hiệu quả hơn.

Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Tháng 9 năm 2015, Nhà máy đã chính thức hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại, đây là dự án công ty khởi công từ năm 2013. sản phẩm của nhà máy được khách hàng đánh giá tốt, nhiều đơn đặt hàng đã được ký kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Với công suất hiện tại, nguồn cung gạch của nhà máy chưa đủ đáp ứng cầu xây dựng các công trình hạ tầng và dân dụng trong địa bàn hoạt động. Nhà máy gạch đã mang lại doanh thu đáng kể cho Công ty trong năm 2017.

Cuối năm 2016, Công ty đã bổ sung vốn thêm 10 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình để đầu tư khai thác mỏ đất sét làm nguyên vật liệu cho nhà máy gạch Tuynel Hòa Bình, như vậy bắt đầu từ năm 2018 Công ty hoàn toàn chủ động về nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho nhà máy.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

TÀI SẢN	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/giảm	Năm 2017	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	49.757	79.162	4,08%	43.835	-44,63%
Tài sản dài hạn	17.310	29.924	11,25%	52.411	75,15%
Tổng tài sản	67.068	109.086	5,85%	96.247	-11,77%

b) Tình hình biến động nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/giảm	Năm 2017	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	9.227	30.235	227,68%	17.240	-42,98%
Vốn Chủ sở hữu	57.840	78.850	36,32%	79.006	0,20%
- Vốn đầu tư của CSH	52.500	70.000	33,33%	70.000	-
Tổng cộng nguồn vốn	67.068	109.086	62,65%	96.247	-11,77%

Tổng quy mô tài sản của Công ty năm 2016 tăng 62,65% so với năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do việc mở rộng quy mô kinh doanh, dẫn đến gia tăng tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn trong đó góp phần đáng kể vào biến động này là sự gia tăng mạnh của các khoản phải thu ngắn hạn, và tài sản cố định. Hàng tồn kho cũng góp phần vào sự gia tăng



này do công ty thực hiện ký kết hợp đồng mua lớn, dài hạn để giảm thiểu rủi ro về giá, và dự phòng nguồn hàng đáp ứng tiến độ thi công.

Tổng nguồn vốn năm 2016 gia tăng mạnh so với năm 2015, do Công ty hoàn thành phát hành tăng vốn điều lệ thêm 17,5 tỷ đồng, ngoài ra nợ phải trả Công ty tăng 227,68% so với năm 2015.

Quy mô tài sản và nguồn vốn năm 2017 giảm nhẹ so với năm 2016, do trong năm công ty thu hồi được công nợ ngắn hạn với các khách hàng và tất toán các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

c) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2016	31/12/2017
I	Các khoản nợ phải trả	30.235.993.780	17.240.564.390
1	Nợ ngắn hạn	29.068.493.780	16.526.834.336
	-Vay và nợ ngắn hạn	-	-
	- Phải trả người bán	17.274.053.794	6.258.191.696
	- Người mua trả tiền trước	5.875.176.410	3.974.882.421
	- Thuế và các khoản phải nộp NN	1.688.024.326	2.269.060.505
	- Phải trả người lao động	-	99.253.386
	- Chi phí phải trả	-	-
	-Phải trả, phải nộp khác	250.730.000	120.138.628
	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.980.509.250	3.980.509.250
2	Nợ dài hạn	1.167.500.000	1.167.500.000
	Vay và nợ dài hạn	1.167.500.000	1.167.500.000
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

Mã chứng khoán TTZ của Công ty giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Do đó, Công ty đã phải thực hiện áp dụng chế độ báo cáo theo quy định và làm tăng tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai



- Kinh doanh VLXD: Công ty chỉ thực hiện cung ứng cho các đối tác có khả năng về tài chính tốt, hoặc các dự án có nguồn vốn rõ ràng và khả năng thanh toán cao; Giảm thiểu dữ trữ hàng tồn kho; hạn chế thực hiện các chính sách bán hàng chậm trả...
- Dịch vụ vận tải & cung ứng nguyên liệu công nghiệp: Trong giai đoạn này nhu cầu về vận tải và nguyên vật liệu sản xuất công nghiệp (đất sét, cát chuyên dụng, cao lanh, than đá...) ngày tăng cao do sự phát triển về hạ tầng và mở rộng KCN trong địa bàn hoạt động của Công ty. Do đó, Chủ trương của Công ty là đầu tư mở rộng thị phần ở lĩnh vực hoạt động này, nên sẽ chú trọng đầu tư thêm phương tiện chuyên chở (tàu thủy, xe ô tô tải, máy xúc, máy ủi...), đầu tư mở rộng các hoạt động liên quan tới lĩnh vực này.
- Dịch vụ kho cảng: Tiếp tục khai thác tối đa công suất của cảng TTZ Port. Tuy nhiên, mảng này hiện không hiệu quả do tình hình bão hòa chung của khu vực, do đó trong năm 2018 Ban lãnh đạo công ty sẽ xem xét đánh giá lại để quyết định có nên duy trì hay chấm dứt hoạt động này.
- Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Trong năm 2018, Tăng tối đa công suất hoạt động của nhà máy. Đẩy mạnh công tác marketing để đưa sản phẩm gạch của Công ty trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Sơn La. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ có nghị quyết ưu tiên ngân sách phát triển hạ tầng khu vực Tây Bắc nên đây là cơ hội lớn cho đầu ra sản phẩm của Nhà máy. Hiện nay, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình (hoạt động tại Hòa Bình và Sơn La) để thực hiện kiên kết chuỗi cung ứng. Trong đó, Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình sẽ giới thiệu và sử dụng 100% sản phẩm gạch Tuynel của TTZ cho các công trình thi công, đồng thời TTZ sẽ góp vốn vào các dự án BĐS, thi công, Trung tâm kinh doanh VLXD, khai thác mỏ đá của Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình.
- Hoạt động khác của công ty:
 - + Phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của công ty trong suốt thời gian qua. Do đó, để duy trì và phát huy hơn nữa giá trị quý báu này, Công ty Tiên Trung sẽ phải tiếp tục kiện toàn tổ chức, điều chỉnh bộ máy cho phù hợp với mục tiêu hoạt động trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.
 - + Tích cực quan hệ cổ đông: Công ty dự kiến sẽ đầu tư phần mềm quản lý thông tin cổ đông và phản hồi mọi thắc mắc, nhu cầu tìm hiểu thông tin cho cổ đông, để cổ đông có thể cập nhật thông tin kịp thời về doanh nghiệp...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.



Hoạt động của Công ty trong năm 2017 đã thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp với quan điểm của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong kỳ đại hội trước đó. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Nhìn chung trong năm tài khóa 2017, Ban điều hành Công ty đã thực hiện được cơ bản các nghị quyết của Đại hội cổ đông. Vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty kinh doanh có lãi trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái trầm trọng, đưa ra được những quyết định hợp lý để bảo toàn vốn của cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, HBXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm 2017, HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017 bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2017.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng tháng nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động không ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2016.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%	



2	Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
3	Ông Hoàng Văn Ty	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
5	Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	6/6	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thực hiện triển khai đầy đủ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra, bao gồm: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và tập trung, tăng cường chỉ đạo rà soát, triển khai và hoàn thiện các hoạt động trọng điểm của Công ty, Khai thác hiệu quả Dự án Nhà máy sản xuất gạch Tuynel của công ty con TNHH một thành viên Tiến Trung Hòa Bình.
 - Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
 - Tích cực hoạt động tạo ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác quan trọng để mở rộng thị trường, chuyển đổi những hoạt động (kinh doanh, dự án cũ) mất khả năng sinh lời hoặc thiếu tính bền vững sang những mảng hoạt động mới có tính bền vững và có tỷ suất lợi nhuận cao hơn .
- Đối với hoạt động quản trị nhân lực:
 - HĐQT giám sát và kiểm tra công tác quản trị nhân lực của Ban giám đốc; xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu của công ty; Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động sao cho thỏa đáng trên cơ sở quy định của pháp luật.
 - Xây dựng và hoàn thiện quy trình làm việc; Quản trị; Thông tin liên lạc một cách khoa học để nâng cao khả năng quản lý tài chính và chất lượng quản trị nói chung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

4. Các nghị quyết/Biên bản họp HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ - HĐQT	03/1/2017	Nghị quyết Thông qua kết quả phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ, đăng ký niêm yết, lưu ký bổ sung chứng khoán

2	02/2017/NQ - HĐQT	15/2/2017	Nghị quyết HĐQT về phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016
3	04/2017/NQ-HĐQT	10/5/2017	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm chủ tịch HĐQT – người đại diện theo pháp luật Công ty, Thay đổi đăng ký kinh doanh
4	05/2017/NQ-HĐQT	20/11/2017	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi kế toán trưởng
5	07/2017/NQ-HĐQT	21/12/2017	Nghị quyết HĐQT phát hành cổ phiếu trả cổ tức
6	08/2017/NQ-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết HĐQT về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam

5. Hoạt động Ban kiểm soát

5.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Ghi chú
1	Vũ Tuấn Doanh	Trưởng ban	0	0%	
2	Nguyễn Văn Hải	Thành viên	0	0%	
3	Nguyễn Thị Loan	Thành viên	0	0%	

5.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc (BGĐ) trong năm 2017 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGĐ trong năm 2017;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm 2017;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 đối với HĐQT và BGĐ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính;

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao và quyết toán Hội đồng quản trị, ban kiểm soát công ty năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.

6. THAY ĐỔI DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
I	Vũ Thị Hằng	Thành viên HĐQT		20/11/2017	Thay đổi Kế toán trưởng
1	Vũ Khắc sơn	NCLQ		20/11/2017	Thay đổi NCLQ
2	Lê Thị Sờ	NCLQ		20/11/2017	Thay đổi NCLQ
3	Nguyễn Xuân Vĩnh	NCLQ		20/11/2017	Thay đổi NCLQ
4	Vũ Thị Hòa	NCLQ		20/11/2017	Thay đổi NCLQ
5	Vũ Thị Thuận	NCLQ		20/11/2017	Thay đổi NCLQ
II	Lê Minh Điện	Thành viên HĐQT	27/4/2016		Thay đổi Kế toán trưởng
1	Lê Nguyên Khuyến	NCLQ	27/4/2016		Thay đổi NCLQ
2	Vũ Thị rần	NCLQ	27/4/2016		Thay đổi NCLQ
3	Lê Văn Dân	NCLQ	27/4/2016		Thay đổi NCLQ
4	Lê Hồng Chủ	NCLQ	27/4/2016		Thay đổi NCLQ

7. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

a) **Danh sách cổ đông nội bộ**

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỉ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Hoàng Anh Quyết	0	0%	
2	Hoàng Văn Ty	0	0%	
3	Lê Ngọc Anh	0	0%	
4	Đặng Ngọc Thông	0	0%	
5	Nguyễn Xuân Vĩnh	0	0%	
6	Nguyễn Thị Loan	0	0%	
7	Vũ Tuấn Doanh	0	0%	
8	Nguyễn Hải Văn	0	0%	
9	Lê Minh Diện	0	0%	

b) **Danh sách người có liên quan** (Phụ lục đính kèm trong báo cáo quản trị năm 2017).c) **Giao dịch cổ phiếu:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	NCLQ ông Hoàng Anh Quyết	500.000	7,14%	0	0%	bán
2	Nguyễn Thị Kim	NCLQ ông Đặng Ngọc Thông	157.500	2,25%	0	0%	bán
3	Đặng Ngọc Thông	TV HĐQT	357.500	5,11%	0	0%	bán

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 10/05/2017)
Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 10/05/2017)
Ông Hoàng Văn Ty	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 10/05/2017)
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên
Bà Lê Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 10/05/2017)
Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/05/2017)
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 05 năm 2017	
Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc		Ngày 10 tháng 05 năm 2017

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết
Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Số: 131 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

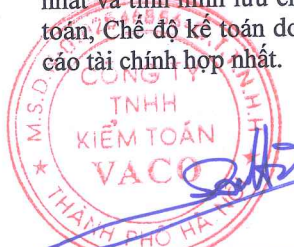
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018


Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.835.381.051	71.658.703.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	886.377.556	12.690.094.653
1. Tiền	111		886.377.556	12.690.094.653
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.539.715.622	34.714.110.423
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.565.448.308	28.303.377.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.064.010.741	621.395.729
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	700.000.000	7.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.900.000.000	68.462.508
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.689.743.427)	(1.579.125.052)
III. Hàng tồn kho	140	10	15.770.225.535	22.261.199.251
1. Hàng tồn kho	141		15.770.225.535	22.261.199.251
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.639.062.338	1.993.298.782
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	321.066.878	551.602.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.317.995.460	1.441.696.150
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.411.990.702	37.427.451.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	14.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		23.272.605.630	29.352.761.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	23.272.605.630	29.352.761.467
- Nguyên giá	222		34.881.903.762	37.805.505.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.609.298.132)	(8.452.744.246)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.388.767.557	7.503.053.554
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.388.767.557	7.503.053.554
IV. Tài sản dài hạn khác	260		750.617.515	571.636.062
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	603.125.074	452.054.226
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	119.581.836
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		96.247.371.753	109.086.154.192

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17.240.564.390	30.235.993.780
I. Nợ ngắn hạn	310		16.526.834.336	29.068.493.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.258.191.696	17.274.053.794
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	3.974.882.421	5.875.176.410
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.269.060.505	1.688.024.326
4. Phải trả người lao động	314		99.253.386	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		120.138.628	250.730.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	3.805.307.700	3.980.509.250
II. Nợ dài hạn	330		713.730.054	1.167.500.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	713.730.054	1.167.500.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.006.807.363	78.850.160.412
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	79.006.807.363	78.850.160.412
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.006.807.363	8.850.160.412
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.850.160.412	5.340.340.028
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		156.646.951	3.509.820.384
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		96.247.371.753	109.086.154.192



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc
Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Minh Điện
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		38.915.568.272	89.976.777.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	38.915.568.272	89.976.777.465
4. Giá vốn hàng bán	11	22	33.726.113.682	76.407.517.395
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.189.454.590	13.569.260.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.313.073.510	109.347.490
7. Chi phí tài chính	22		456.910.997	403.657.440
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		456.910.997	403.657.440
8. Chi phí bán hàng	25	24	1.023.300.913	3.042.926.877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.955.024.943	5.236.077.761
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.067.291.247	4.995.945.482
11. Thu nhập khác	31	25	33.005.235	4.034.150.820
12. Chi phí khác	32	26	2.232.414.953	4.442.723.165
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.199.409.718)	(408.572.345)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		867.881.529	4.587.373.137
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	739.145.183	1.179.800.373
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(27.910.605)	(102.247.620)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		156.646.951	3.509.820.384
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	22	669



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc
Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2018



Lê Minh Diện
Kế toán trưởng



Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	867.881.529	4.587.373.137
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	3.402.460.313	2.411.065.721
- Các khoản dự phòng	03	110.618.375	780.187.443
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(309.014.552)	210.974.820
- Chi phí lãi vay	06	456.910.997	403.657.440
- Các khoản điều chỉnh khác	07	1.268.625.694	2.108.061.999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.797.482.356	10.501.320.560
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(7.167.924.232)	(10.515.810.198)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.393.837.888	(6.262.140.544)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.864.668.352)	15.421.119.644
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	19.957.942	840.259.576
- Tiền lãi vay đã trả	14	(456.910.997)	(403.657.440)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(434.599.717)	(819.434.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.712.825.112)	8.761.657.181
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.774.000.000)	(14.722.061.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.845.454.545	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	153.551.456	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.313.073.510	107.018.908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.461.920.489)	(20.065.042.991)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.000.000.000	17.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1.000.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.830.366.914	12.140.715.076
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.459.338.410)	(6.992.705.826)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(628.971.496)	22.648.009.250
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(11.803.717.097)	11.344.623.440
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.690.094.653	1.345.471.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	886.377.556	12.690.094.653



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Minh Điện
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 24/05/2017 là 70.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 60 người (tại 31 tháng 12 năm 2016 là 135 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rằm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng; Sản xuất gạch xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Sudev cho đối tác cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22/12/2017, giá trị chuyển nhượng là 10.900.000.000 đồng. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này được ghi nhận trên báo cáo kết quả báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 1.900.000.000 đồng (Thuyết minh số 21).

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại (đo lường thể tích khối). Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gia hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình - Công ty con;
- Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La - Công ty con;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	814.564.136	1.970.471.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.813.420	10.719.623.539
Cộng	886.377.556	12.690.094.653

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.565.448.308	28.303.377.238
Công ty TNHH Thiên An Sơn	5.486.803.019	4.734.500.539
Công ty TNHH Auto Bike	2.000.000.000	-
Công ty Long Phát Đạt	1.838.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & TM Sông Lục	1.379.950.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thịnh Gia Phát	1.161.000.000	-
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	1.151.100.003
Công ty TNHH Hiệp Hòa	1.024.280.949	3.479.400.000
Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng CMAXX	251.656.092	2.212.614.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải và Xây dựng Thương mại Minh Hoàng	-	2.232.450.000
Công ty ô tô Đức Nam	-	4.735.000.000
Các đối tượng khác	4.272.658.245	9.758.312.696
	18.565.448.308	28.303.377.238

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Triều	1.151.100.003	-	1.151.100.003	-
Công ty CP Cấp nước Hiệp Hòa	1.024.280.949	862.405.098	1.024.280.949	1.024.280.949
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	-	182.964.620	-
Công ty CP Taseo Nam Thái	56.608.000	-	56.608.000	-
Công ty CP Đầu tư Tân Phú	81.616.903	-	81.616.903	-
Đối tượng khác	67.829.900	12.251.850	119.087.376	12.251.850
Cộng	2.564.400.375	874.656.948	2.615.657.851	1.036.532.799

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	700.000.000	700.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Cho vay cá nhân				
- Bà Nguyễn Thị Liên (i)	700.000.000	700.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
- Bà Trần Thị Lương	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hương	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000

Ghi chú: (i) Theo hợp cho vay đồng số 12-12/HĐ ngày 12/12/2017, thời hạn cho vay 12 tháng, không có tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay 1%/tháng, thanh toán lãi 6 tháng/lần.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.900.000.000	-	68.462.508	-
Ông Lê Viết Quỳnh - tiền chuyển nhượng khoản đầu tư (i)	1.900.000.000	-	-	-
- Phải thu khác:	-	-	68.462.508	-
b) Dài hạn	14.000.000.000	-	-	-
Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (ii)	14.000.000.000	-	-	-

Ghi chú:

(i) Phải thu về việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con được thuyết minh tại Thuyết minh số 12.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “ khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ-Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con-Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.087.614.397	-	2.408.223.072	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	136.399.080	-	-	-
Thành phẩm	1.932.814.278	-	-	-
Hàng hóa	8.613.397.780	-	19.852.976.179	-
Cộng	15.770.225.535	-	22.261.199.251	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	321.066.878	551.602.632
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	321.066.878	551.602.632
<i>b) Dài hạn</i>	603.125.074	452.054.226
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	603.125.074	452.054.226

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	19.833.763.271	3.438.329.368	14.533.413.074	37.805.505.713
- Tăng trong năm	-	1.084.000.000	-	1.084.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.007.601.951)	(4.007.601.951)
Số dư cuối năm	19.833.763.271	4.522.329.368	10.525.811.123	34.881.903.762
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.106.893.180	1.818.354.306	3.527.496.760	8.452.744.246
- Khấu hao trong năm	1.617.966.914	399.486.250	1.385.007.149	3.402.460.313
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(158.088.448)	(158.088.448)
- Giảm khác	(87.817.979)	-	-	(87.817.979)
Số dư cuối năm	4.637.042.115	2.217.840.556	4.754.415.461	11.609.298.132
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	16.726.870.091	1.619.975.062	11.005.916.314	29.352.761.467
Số dư cuối năm	15.196.721.156	2.304.488.812	5.771.395.662	23.272.605.630

Ghi chú:

- (i) Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.916.755.599 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.194.989.968 đồng).
- (ii) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 là 729.574.300 đồng (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 là 280.000.000 đồng.).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	14.388.767.557	14.388.767.557	7.503.053.554	7.503.053.554
Đầu tư công trình khai thác đất (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiên Trung Hòa Bình (ii)	9.388.767.557	9.388.767.557	7.503.053.554	7.503.053.554

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên là hoạt động mua đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình với Ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất số CH02710 do UBND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận. Diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong kỳ, Công ty đã chuyển tiền thanh toán cho Ông Nguyễn Văn Vinh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- (ii) Khoản đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đang được Công ty tiếp tục xây dựng cho Công ty con theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH ĐĐ62	1.104.000.000	1.104.000.000	-	-
Công ty TNHH Thái Dương	800.000.000	800.000.000	-	-
Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	763.248.330	763.248.330	38.006.890	38.006.890
Công ty Cổ phần gốm sứ Việt Thái	310.000.000	310.000.000	1.375.000.000	1.375.000.000
Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	67.400.000	67.400.000	3.207.495.859	3.207.495.859
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thiệp Mơ	-	-	2.385.402.500	2.385.402.500
Công ty TNHH Xuân Chuyên	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hợp tác Đầu tư T&C	-	-	1.044.345.160	1.539.997.360
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thép Chiến Thắng	-	-	1.539.997.360	1.044.345.160
Công ty Cổ phần Cơ khí Thương mại Anh Tiến	-	-	1.731.393.756	1.731.393.756
Đối tượng khác	3.213.543.366	3.213.543.366	4.852.412.269	4.852.412.269
	6.258.191.696	6.258.191.696	17.274.053.794	17.274.053.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	<u>3.974.882.421</u>	<u>5.875.176.410</u>
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Ô tô Thiên Trường Long	3.000.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu HTC	-	4.650.000.000
Các đối tượng khác	974.882.421	1.225.176.410

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	603.066.238	-	603.066.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.633.200.226	354.481.968	434.599.717	1.553.082.477
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	4.576.841	-
Thuế tài nguyên	-	53.440.000	-	53.440.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	189.000.000	189.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	50.247.259	78.765.960	69.541.429	59.471.790
Cộng	<u>1.688.024.326</u>	<u>1.278.754.166</u>	<u>697.717.987</u>	<u>2.269.060.505</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.422.807.700	3.422.807.700	7.076.818.464	6.830.366.914	3.669.259.250	3.669.259.250
Ngân hàng TP Bank (i)	3.422.807.700	3.422.807.700	7.076.818.464	6.830.366.914	3.669.259.250	3.669.259.250
Nợ dài hạn đến hạn trả (ii)	382.500.000	382.500.000	382.519.946	453.769.946	311.250.000	311.250.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	142.500.000	142.500.000	142.519.946	213.769.946	71.250.000	71.250.000
Cộng	3.805.307.700	3.805.307.700	7.459.338.410	7.284.136.860	3.980.509.250	3.980.509.250

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 124/2017/HDDTD/HMI/01 ngày 30/3/2017, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 30/3/2017 đến ngày 30/3/2018, lãi suất quy định theo từng khe ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữ TP Bank và ông Hoàng Anh Quyết.
- (ii) Chi tiết tại Thuyết minh số 18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.422.807.700	3.422.807.700	7.076.818.464	6.830.366.914	3.669.259.250	3.669.259.250
Ngân hàng TP Bank (i)	3.422.807.700	3.422.807.700	7.076.818.464	6.830.366.914	3.669.259.250	3.669.259.250
Nợ dài hạn đến hạn trả (ii)	382.500.000	382.500.000	453.769.946	453.769.946	311.250.000	311.250.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	142.500.000	142.500.000	142.519.946	213.769.946	71.250.000	71.250.000
Cộng	3.805.307.700	3.805.307.700	7.459.338.410	7.284.136.860	3.980.509.250	3.980.509.250

TRUE

TRUE

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	713.730.054	713.730.054	453.769.946	-	1.167.500.000	1.167.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	500.000.000	500.000.000	240.000.000	-	740.000.000	740.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ii)	213.730.054	213.730.054	213.769.946	-	427.500.000	427.500.000
Cộng	713.730.054	713.730.054	453.769.946	-	1.167.500.000	1.167.500.000

Ghi chú:

(i) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của Ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô tài biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	382.500.000	311.250.000
Trong năm thứ hai	382.500.000	382.519.946
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	331.230.054	784.980.054
Sau năm năm	-	-
	1.096.230.054	1.478.750.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	382.500.000	311.250.000
Số phải trả sau 12 tháng	713.730.054	1.167.500.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	5.340.340.028	57.840.340.028
Tăng vốn trong năm	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Lãi trong năm	-	3.509.820.384	3.509.820.384
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	8.850.160.412	78.850.160.412
Lãi trong năm	-	156.646.951	156.646.951
Số dư cuối năm	70.000.000.000	9.006.807.363	79.006.807.363

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 là 70.000.000.000 đồng, đến thời điểm hiện tại đã góp đủ vốn điều lệ.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, lĩnh vực kinh doanh phương tiện vận tải và dịch vụ vận chuyên.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Năm nay			Năm trước		
	Kinh doanh vật liệu xây dựng VND	Kinh doanh phương tiện vận tải VND	Dịch vụ vận chuyên VND	Kinh doanh vật liệu xây dựng VND	Kinh doanh phương tiện vận tải VND	Dịch vụ vận chuyên VND
Doanh thu thuần	11.037.853.616	20.221.818.180	7.655.896.476	23.370.708.492	34.817.636.364	31.788.432.609
Giá vốn bán hàng/Cung cấp dịch vụ	7.584.330.998	20.118.181.817	6.023.600.867	22.292.161.111	27.754.000.000	26.361.356.284
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	3.453.522.618	103.636.363	1.632.295.609	1.078.547.381	7.063.636.364	5.427.076.325

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	30.817.879.886	65.423.631.124
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.097.688.386	24.553.146.341
Cộng	38.915.568.272	89.976.777.465

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng đã bán	28.009.457.405	58.464.078.508
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.716.656.277	17.943.438.887
Cộng	33.726.113.682	76.407.517.395

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.221.761.798	109.347.490
Lãi thanh lý khoản đầu tư	91.311.712	-
Cộng	2.313.073.510	109.347.490

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chi phí bán hàng</i>	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí xăng dầu	472.608.070	2.592.082.816
Chi phí khấu hao TSCĐ	503.635.983	450.844.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.056.860	-
Cộng	1.023.300.913	3.042.926.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	646.606.695	2.013.206.160
Chi phí đồ dùng văn phòng	638.094.335	599.825.374
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.040.065.225	857.725.752
Thuế, phí và lệ phí	200.627.300	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.885.633	825.976.227
Chi phí dự phòng	110.618.375	780.187.443
Chi phí bằng tiền khác	127.380	159.156.805
Cộng	<u>2.955.024.943</u>	<u>5.236.077.761</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	33.005.235	4.034.150.820
Cộng	<u>33.005.235</u>	<u>4.034.150.820</u>

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ	2.004.904.193	-
Chi phí khác	227.510.760	4.442.723.165
Cộng	<u>2.232.414.953</u>	<u>4.442.723.165</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.189.634.155	23.396.202.316
Chi phí nhân công	2.585.766.366	5.844.489.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.402.460.313	2.411.065.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.279.698.981	1.433.305.514
Dự phòng	110.618.375	780.187.443
Chi phí khác bằng tiền	200.754.680	175.062.805
Cộng	<u>16.768.932.870</u>	<u>34.040.312.999</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	1.880.478.952	2.338.461.927
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	109.596.631	-
Thu nhập chịu thuế	1.990.075.583	2.338.461.927
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm trước	-	104.684.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ	398.015.116	582.442.111
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	1.705.360.164	2.986.791.310
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	290.169	-
Thu nhập chịu thuế	1.705.650.333	2.986.791.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con	341.130.067	597.358.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	739.145.183	1.179.800.373

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	156.646.951	3.509.820.384
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	669
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31/12/2017, số dư các khoản công nợ phải trả đã tồn từ lâu Công ty chưa thực hiện thanh toán là 1,3 tỷ đồng. Theo đó, trường hợp khoản công nợ phải trả này chưa được Công ty thanh toán tại thời điểm Cơ quan thuế thực hiện thanh tra, quyết toán trong tương lai, có thể phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm cho năm 2017 tương ứng với 20% chi phí phát sinh nhưng chưa được Công ty thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	4.519.037.754	5.148.009.250
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(886.377.556)	(12.690.094.653)
Nợ thuần	3.632.660.198	-
Vốn chủ sở hữu	<u>79.006.807.363</u>	<u>78.850.160.412</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	4,6%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	886.377.556	12.690.094.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.475.704.881	34.092.714.694
Tổng cộng	<u>20.362.082.437</u>	<u>46.782.809.347</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.519.037.754	5.148.009.250
Phải trả người bán và phải trả khác	6.378.330.324	17.524.783.794
Tổng cộng	<u>10.897.368.078</u>	<u>22.672.793.044</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; Các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	886.377.556	-	886.377.556
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.475.704.881	-	19.475.704.881
Tổng cộng	<u>6.362.082.437</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>20.362.082.437</u>
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.378.330.324	-	6.378.330.324
Các khoản vay	3.805.307.700	713.730.054	4.519.037.754
Tổng cộng	<u>10.183.638.024</u>	<u>713.730.054</u>	<u>10.897.368.078</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(3.821.555.587)</u>	<u>13.286.269.946</u>	<u>9.464.714.359</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.690.094.653	-	12.690.094.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.092.714.694	-	34.092.714.694
Tổng cộng	<u>46.782.809.347</u>	<u>-</u>	<u>46.782.809.347</u>
Số đầu năm			
Các khoản vay	5.148.009.250	-	5.148.009.250
Phải trả người bán và phải trả khác	17.524.783.794	-	17.524.783.794
Tổng cộng	<u>22.672.793.044</u>	<u>-</u>	<u>22.672.793.044</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>24.110.016.303</u>	<u>-</u>	<u>24.110.016.303</u>

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và thu nhập Ban Tổng Giám đốc	121.800.000	108.000.000

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.885.714.003 đồng là số tiền dùng để mua nguyên vật liệu từ những năm trước và được kết chuyển vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm hàng tồn kho.

Trong năm, Công ty đã thoái đầu tư toàn bộ vốn tại Công ty con-Công ty Cổ phần Sudev với tổng giá trị 10,9 tỷ đồng; Giá trị chuyển nhượng đã được thanh toán là 9,0 tỷ đồng, phần còn lại chưa được thanh toán đang ghi nhận trên khoản mục Phải thu ngắn hạn khác; Theo đó, chỉ tiêu Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của dòng Lưu chuyển tiền tệ của hoạt động đầu tư không bao gồm giá trị 1,9 tỷ đồng đang được trình bày trên chỉ tiêu Tăng/Giảm các khoản phải thu của dòng Lưu chuyển tiền tệ của hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 26) được tính như sau: (1) – [(2) - (3)] là 153.551.456 đồng. Trong đó:

Tiền thu hồi góp vốn thanh lý Công ty con - Công ty CP Sudev: 9.000.000.000 đồng (1);
Tiền trên báo cáo tài chính Công ty CP Sudev tại thời điểm thanh lý: 9.846.448.544 đồng (2);
Tiền của cổ đông không kiểm soát Công ty CP Sudev góp trong năm: 1.000.000.000 đồng (3);

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 310.000.000 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Công ty phân loại lại như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
	TÀI SẢN		29.764.252.805	-	29.764.252.805
1.	Hàng tồn kho	141	29.764.252.805	(7.503.053.554)	22.261.199.251
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	7.503.053.554	7.503.053.554

Ghi chú:

Phân loại trình bày do tại ngày 31/12/2016 khoản chi phí phát sinh của công trình nhà máy gạch do Công ty thực hiện xây dựng cho Công ty con - Công ty TNHH Tiên Trung Hòa Bình, đang được Công ty ghi nhận trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (trên báo cáo tài chính riêng) chưa được phân loại lại trình bày sang khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Hoàng Anh Quyết
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Minh Điện
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

Xin chân thành cảm ơn !

Thái Bình, ngày 19 tháng 04 Năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

Ông giám đốc



HOANG ANH QUYẾT